TIẾP TỤC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ TRẺ EM BỊ BẠO LỰC, XÂM HẠI TÌNH DỤC

LÊ THỊ THANH BÌNH*

Hoàn thiện pháp luật, tạo cơ sở pháp lý để bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Từ việc phân tích, đánh giá thực trạng quy định pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục trong những năm qua, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện các quy định tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện trong pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: *Pháp luật; bảo vệ trẻ em bị bạo lực; xâm hại tình dục; hoàn thiện.*

Improving the law to establish a legal basis to protect children from violence and sexual abuse is a top priority of the State in our current context of international integration. From analyzing and assessing the current state of legal provisions on child protection from violence and sexual abuse over the past few years, this article proposes solutions to ensure that regulations in related laws in Vietnam today will be supplemented and perfected.

Keywords: *Law; child protection from violence; sexual abuse; improvement.*

NGÀY NHẬN: 12/4/2024 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 21/5/2024 NGÀY DUYỆT: 17/6/2024

DOI: https://doi.org/10.59394/qlnn.341.2024.879

1. Thực trạng pháp luật bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục ở Việt Nam

a. Ưu điểm của pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục

Thứ nhất, pháp luật bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục từng bước được hoàn thiện theo hướng ngày một toàn diện, quy định đầy đủ các nội dung cần thiết để bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục, bao gồm:

Khẳng định quyền được bảo vệ để không bị bạo lực và xâm hại tình dục được quy định rõ tại Điều 25, 27 *Luật Trẻ em* năm 2016; quy định về các hành vi bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em và khung hình phạt tại Điều 127, 130, 133, 134, 137, 142, 144, 145, 146, 147 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Để giải thích rõ hơn cho các quy định về các hành vi liên quan đến xâm hại tình dục, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 20/9/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định từ Điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của *Bộ luật Hình sự* và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi (có hiệu lực từ ngày 05/11/2019).

Quy định về trách nhiệm của các cơ quan

* *TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

nhà nước có thẩm quyền trong bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục, như: Điều 72 *Luật Trẻ em* năm 2016 quy định về trách nhiệm của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã đối với trẻ em nói chung và trẻ em bị bạo lực, xâm hại nói riêng; từ Điều 79 - 90 quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác; Điều 91, 92, 93, 100 quy định về trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, gia đình và cá nhân trong bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục và về trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, gia đình và cá nhân trong bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục.

Đối với quy định về trách nhiệm phối hợp của các thiết chế trong bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục, tại Điều 94 *Luật Trẻ em* năm 2016 quy định về trách nhiệm phối hợp của các thiết chế trong bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục. Tiếp đó, tại Điều 13, 14, 17 Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 21/12/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện hoạt động phối hợp trong tiến hành tố tụng đối với người dưới 18 tuổi được ghi nhận trong tại về phối hợp thực hiện một số quy định của *Bộ luật Tố tụng hình sự* về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi. Các quy định về quy trình, thủ tục xử lý vi phạm pháp luật khi có hành vi bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em được quy định tại Điều 413, 414, 415, 417, 418, 421, 423, 428 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015.

Thứ hai, pháp luật bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục đã được hoàn thiện theo hướng bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong các văn bản pháp luật, như: *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân* năm 2014, *Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân* năm 2014, *Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự* năm 2015, *Bộ luật Dân sự* năm 2015, *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015, *Luật Trẻ em* năm 2016, *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), *Bộ luật Lao động* năm 2019, *Luật* sửa đổi bổ sung một số điều của *Luật Xử lý vi phạm hành chính* năm 2020 và cùng với Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều *Luật Trẻ em*, Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao quy định tổ chức các tòa chuyên trách tại tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương, Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021 về Bộ chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em.

Thứ ba, pháp luật bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục đã bảo đảm tính phù hợp, khả thi với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế. Việt Nam đã ký kết và phê chuẩn Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em (CRC) với quy định: các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp thích hợp về lập pháp, hành pháp, xã hội và giáo dục để bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bạo lực về thể chất hoặc tinh thần, bị đánh đập hay lạm dụng, bị bỏ mặc hoặc sao nhãng chăm sóc, bị ngược đãi hoặc bóc lột, gồm cả sự xâm hại tình dục.

Cùng với ký kết và phê chuẩn Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em (CRC) và các văn bản pháp luật khác về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục, thể chế pháp lý bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục ở Việt Nam đã được ban hành phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế. Theo đó, thể chế pháp lý được hoàn thiện theo hướng xây dựng hệ thống tư pháp phù hợp với trẻ em, bao gồm các đặc điểm sau: (1) Các thủ tục điều tra, truy tố và xét xử được điều chỉnh để phù hợp với

những nhu cầu cụ thể của trẻ em; (2) Trẻ em được đối xử bằng nhân phẩm, tình thương và được tôn trọng, bảo vệ những nhu cầu cá nhân, lợi ích và sự riêng tư; (3) Tất cả trẻ em được đối xử công bằng, bình đẳng và không phải chịu bất kỳ hình thức phân biệt đối xử nào; (4) Các vụ án liên quan đến trẻ em phải được xử lý nhanh chóng; (5) Các quyết định được đưa ra phải dựa trên lợi ích tốt nhất của trẻ em; (6) Thúc đẩy quyền được lắng nghe và tham gia của trẻ em trong quá trình tố tụng bằng cách cung cấp cho trẻ em thông tin về thủ tục tố tụng, sử dụng các phương pháp phù hợp với độ tuổi của trẻ em để lấy lời khai và bảo đảm trẻ em nhận được sự trợ giúp của cha mẹ hoặc người giám hộ và luật sư bào chữa; (7) Các cơ quan tiến hành tố tụng được tập huấn chuyên môn về xử lý các vụ án có trẻ em tham gia và thực thi nhiệm vụ chuyên nghiệp, hiệu quả trên cơ sở tôn trọng các quyền của trẻ em; (8) Các cơ quan tiến hành tố tụng hợp tác chặt chẽ với cán bộ xã hội và các nhân viên hỗ trợ khác để bảo đảm trẻ em nhận được sự hỗ trợ cần thiết.

Thể chế hóa chủ trương xây dựng hệ thống tư pháp phù hợp với trẻ em, pháp luật nước ta đã quy định về việc thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên tại Điều 3 Thông tư số 01/2016/TT-CA; Điều 7, 9, 10 Thông tư số 02/2018/TT-TANDTC quy định chi tiết việc xét xử vụ án hành sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi thuộc thẩm quyền của tòa gia đình và người chưa thành niên.

b. Hạn chế của pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục

Hiện nay, một số quy định của pháp luật còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, cụ thể là: chưa quy định hành vi cưỡng ép, sử dụng rượu, bia và các chất kích thích khác là hành vi bạo lực trẻ em; các quy định về vai trò của nhà trường, đội ngũ giáo viên trong tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình đối với trẻ em nhất là trẻ từ 6 tuổi trở lên trong bảo vệ trẻ em trước các hành vi bạo lực do chính người thân của trẻ gây ra chưa được đề cập; về các hành vi và biện pháp, chế tài hình sự liên quan đến quấy rối tình dục trẻ em cũng chưa được quy định rõ; trách nhiệm hình sự của các chủ thể từ đủ 16 - 18 tuổi có hành vi xâm hại tình dục với trẻ em cũng chưa rõ ràng...

Bên cạnh đó, pháp luật cũng chưa quy định trách nhiệm hình sự đối với các hành vi tình dục trên các thiết bị truyền thông: sử dụng môi trường mạng để ve vãn, dụ dỗ trẻ em thực hiện các hành vi tình dục trực tuyến, như: phơi bày bộ phận cơ thể, bộ phận sinh dục hay thực hiện hành vi tình dục khác với mục đích nhằm thỏa mãn nhu cầu tình dục hay để thực hiện các mục đích kinh doanh tình dục khác.

Quy định về xử lý các cơ quan, tổ chức, cá nhân không tố cáo, tố giác hành vi xâm hại tình dục, không thực hiện hoặc thực hiện chậm trễ trách nhiệm bảo vệ quyền của nạn nhân bị xâm hại tình dục cũng như về thẩm quyền, thủ tục tách trẻ em ra khỏi cha mẹ, người chăm sóc trong trường hợp chính cha mẹ, người chăm sóc có hành vi xâm hại tình dục đối với trẻ em đều chưa được quy định rõ; đồng thời, chưa quy định về các biện pháp bảo đảm những trẻ em này không tiếp tục bị xâm hại tình dục.

Theo Báo cáo kết quả 2 năm triển khai thực hiện Kế hoạch số 506/KH-BCA-C02 ngày 15/12/2020 của Bộ Công an, đã có hơn 400 báo cáo Quốc hội, Chính phủ về tình hình, công tác chấp hành pháp luật, kết quả công tác phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em và phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến người dưới 18 tuổi. Trong công tác đấu tranh, điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến người dưới 18 tuổi, đã phát hiện 3.748 số vụ xâm hại trẻ em (giảm 5,5% số vụ), với 4.354 đối tượng, xâm hại gần 4.000 trẻ em (số trẻ bị xâm hại giảm 5,3% so với cùng kỳ giai đoạn 2019-2020). Toàn quốc

phát hiện 8.227 vụ, với 16.649 đối tượng là người chưa thành niên vi phạm pháp luật (giảm 2,4% số vụ)[1]. Trước thực trạng này, đã có hơn 500 kế hoạch triển khai chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ trong tăng cường các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa với loại tội phạm này. Tuy nhiên, trong quy định, còn một số chế tài xử phạt các hành vi xâm hại tình dục trẻ em chưa tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Ngoài ra, còn có quy định về "Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội" tại điểm b khoản 3 Điều 141, 143, 145, điểm đ khoản 3 Điều 142, điểm c khoản 3 Điều 144 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 chưa bao quát các loại bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác, chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ con người nói chung và bảo vệ trẻ em nói riêng. Còn một số quy định pháp luật Việt Nam về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục chưa thống nhất với công ước quốc tế về bảo vệ quyền trẻ em. Chẳng hạn, quy định liên quan đến định khung tăng nặng đối với các tội liên quan đến xâm hại tình dục trong *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mới chỉ áp dụng cho trẻ ở độ tuổi dưới 16, như: Điều 142 quy định tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi; Điều 144 quy định tội cưỡng dâm người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi; Điều 145 quy định tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi...

2. Một số giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục

Một là, bổ sung các quy định còn thiếu và sửa đổi các quy định không phù hợp trong pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục, cần bổ sung các quy định: (1) Về hành vi cưỡng ép, sử dụng rượu, bia và các chất kích thích khác là hành vi bạo lực trẻ em; (2) Vai trò của nhà trường, đội ngũ giáo viên trong tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình đối với trẻ em nhất là trẻ từ 6 tuổi trở lên trong bảo vệ trẻ em trước các hành vi bạo lực do chính người thân của trẻ gây ra; (3) Quy định về các hành vi và biện pháp, chế tài hình sự liên quan đến quấy rối tình dục trẻ em, góp phần bảo vệ sức khỏe, tinh thần, bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, nhân phẩm, danh dự của trẻ em; (4) Quy định về trách nhiệm hình sự của các chủ thể từ đủ 16 tuổi đến 18 tuổi có hành vi xâm hại tình dục với trẻ em; (5) Quy định trách nhiệm hình sự đối với các hành vi tình dục trên các thiết bị truyền thông, môi trường mạng; (6) Quy định về các chế tài xử lý các cơ quan, tổ chức, cá nhân không tố cáo, tố giác hành vi bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, không thực hiện hoặc thực hiện chậm trễ trách nhiệm bảo vệ quyền của trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục; (7) Về thẩm quyền, thủ tục tách trẻ em ra khỏi cha mẹ, người chăm sóc trong trường hợp chính cha mẹ, người chăm sóc có hành vi bạo lực, xâm hại tình dục đối với trẻ em; chưa quy định về các biện pháp bảo đảm những trẻ em này không tiếp tục bị bạo lực, xâm hại tình dục.

Cần sửa đổi một số quy định của pháp luật chưa phù hợp với thực tiễn, như: (1) Nâng khung hình phạt đối với tội liên quan đến xâm hại tình dục được quy định trong các điều từ Điều 141 - 147 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 để bảo đảm sức răn đe; 2) Sửa quy định thành "Biết mình bị nhiễm các loại bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo danh mục của Bộ Y tế mà vẫn phạm tội"; (3) Nâng khung hình phạt tại đối với tại khoản 3 các Điều 145 (tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác đối với người từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi), Điều 146 (tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi), Điều 147 (tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm).

Ngoài ra, cần sửa một số quy định pháp luật Việt Nam về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục chưa thống nhất với công ước quốc tế về bảo vệ quyền trẻ em, như: (1) Nghiên cứu sửa quy định về tuổi trẻ em cho phù hợp với Công ước quốc tế về bảo vệ

quyền trẻ em (CRC) - quy định trẻ em là người dưới 18 tuổi. Theo đó, nên quy định khung tăng nặng đối với các tội liên quan đến xâm hại tình dục trong *Bộ luật Hình sự* theo hướng áp dụng cho trẻ ở độ tuổi dưới 18 (Điều 142, 144, 145 *Bộ luật Hình sự*).

Hai là, tăng cường hoạt động tổng kết, đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục.

Để có cơ sở tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục ở Việt Nam, cần tích cực tổng kết thực tiễn thực thi pháp luật để bổ sung các quy định còn thiếu và sửa đổi các quy định không phù hợp. Chỉ có thông qua tổng kết thực tiễn thực thi pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục mới thấy được những lỗ hổng trong pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục. Cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục được thực hiện với các hình thức đa dạng và phong phú; đồng thời tăng cường hoạt động của hệ thống cơ quan bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục từ trung ương tới địa phương một cách hiệu quả.

Bên cạnh đó, chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng về phòng, chống xâm hại trẻ em được Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương chủ động triển khai với nhiều nội dung, hình thức phong phú để nhận thức của cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp, cha, mẹ trẻ em nói riêng và xã hội nói chung về phòng ngừa, xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em có sự chuyển biến tích cực. Số học sinh tiếp tục được hướng dẫn kỹ năng ứng phó để tự bảo vệ bản thân trước nguy cơ bị xâm hại tăng nhanh, số lượng thông tin, thông báo, tố cáo, tố giác về bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em đến Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em, các kênh thông tin, truyền thông và các cơ quan chức năng bảo vệ trẻ em tăng lên rõ rệt.

3. Kết luận

Xây dựng và hoàn thiện thể chế về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục trước các yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0 và toàn cầu hóa trên các lĩnh vực cần phải tiến hành đồng bộ các giải pháp bảo đảm thực hiện, trong đó cũng cần tham khảo, học hỏi kinh nghiệm của các nước có trình độ phát triển kinh tế - xã hội tương đồng với Việt Nam; đặc biệt các nước có nhiều thành tựu trong xây dựng thể chế và thực hiện pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục.

Bên cạnh những kết quả đạt được, pháp luật về bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục ở Việt Nam còn thiếu một số quy định; một số quy định chưa phù hợp. Chính vì vậy, để khắc phục những hạn chế đó, tạo cơ sở pháp lý vững chắc bảo vệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục, chúng ta cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên❐

Chú thích:

1. Chi Mai (2022). *Bộ Công an sơ kết 2 năm thực hiện kế hoạch về phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em*. https://congan.hanoi.gov.vn, ngày 08/12/2022.

Tài liệu tham khảo:

1. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2019). *Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi.*

2. Nguyễn Thị Ngọc Linh (2019). *Các tội xâm phạm tình dục trong luật hình sự Việt Nam*. H. NXB Tư pháp.

3. Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng Hình sự* năm 2015.

4. Quốc hội (2016). *Luật Trẻ em* năm 2016.

5. Quốc hội (2017). *Luật* sửa đổi, bổ sung một số điều của *Bộ luật Hình sự* năm 2015.

6. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2018). *Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 21/12/2018 về phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi.*